

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KIM BẢNG
TỈNH HÀ NAM**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 02/2020/DS-ST
Ngày 29 - 4 - 2020
V/v tranh chấp thừa kế tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KIM BẢNG, TỈNH HÀ NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Nguyệt.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Bá Đoàn.

2. Ông Nguyễn Xuân Sơn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Minh Thúy - Thư ký tòa án nhân dân huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam tham gia phiên tòa: Bà Đinh Thị An - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 4 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 06/2020/TLST-DS ngày 09 tháng 9 năm 2019 về tranh chấp thừa kế tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2020/QĐXXST-DS ngày 12/3/2020; Thông báo mở lại phiên tòa số 05/TB-TA ngày 23/4/2020, giữa:

1. *Nguyên đơn:* Ông Dương Văn T, sinh năm 1950. Địa chỉ: Thôn Đ, xã V, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam. Có mặt.

2. *Bị đơn:*

2.1. Anh Dương Văn D, sinh năm 1975. Địa chỉ: Số nhà 2, ngách 27/390, đường Lý Thường Kiệt, tổ 2, phường Lê Hồng Phong, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam. Có mặt.

2.2. Anh Dương Văn Đ1, sinh năm 1985. Địa chỉ: Số nhà 9C, ngách 89, đường Ng, phố H, phường N, thành phố N, tỉnh Ninh Bình. Vắng mặt.

2.3. Chị Dương Thị L, sinh năm 1986. Địa chỉ: Thôn B, xã Y, huyện D1, tỉnh Hà Nam. Vắng mặt.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

3.1. Ông Dương Văn Kh, sinh năm 1956. Địa chỉ: Thôn Đ, xã V, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam. Vắng mặt.

3.2. Bà Dương Thị Ch, sinh năm 1960. Địa chỉ: Thôn Đ, xã V, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam. Vắng mặt.

3.3. Ông Dương Văn H, sinh năm 1962. Địa chỉ: Thôn Đ, xã V, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam. Vắng mặt.

3.4. Anh Dương Văn Th, sinh năm 1980. Địa chỉ: Số nhà 111, ngõ 225, đường L, phường V, quận H, thành phố Hà Nội. Vắng mặt.

3.5. Anh Dương Văn V, sinh năm 1982. Địa chỉ: Số nhà 4, ngõ 210, phố Ng, phường Ph, quận Th, thành phố Hà Nội. Vắng mặt.

- *Người đại diện theo ủy quyền của ông Kh, ông H, bà Ch:* Ông Dương Văn T, sinh năm 1950. Địa chỉ: Thôn Đ, xã V, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam. Có mặt.

- *Người đại diện theo ủy quyền của anh Điền, chị Luân, anh Thư, anh Viên:* Anh Dương Văn D, sinh năm 1975. Địa chỉ: Số nhà 2, ngách 27/390, đường L1, tổ 2, phường L2, thành phố Ph, tỉnh Hà Nam. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, ông Dương Văn T là nguyên đơn trình bày: Cha mẹ đẻ ông là cụ Dương Văn D, sinh năm 1919 và cụ Nguyễn Thị Ph, sinh năm 1920, sinh ra được 5 người con gồm: Ông Dương Văn T, ông Dương Văn T1, ông Dương Văn Kh, bà Dương Thị Ch, ông Dương Văn H. Ông Dương Văn T1 chết năm 1988, có vợ là bà Bùi Thị S và 05 người con là anh Dương Văn D, Dương Văn Th, Dương Văn V, Dương Văn Đ, chị Dương Thị L. Trong thời gian chung sống cụ D, cụ Ph có diện tích đất 172m², nguồn gốc đất là cha ông để lại, trên đất có nhà cấp 4, công trình phụ, tại xóm 8, thôn Đ (nay là thôn Đ), xã V, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam đã được Ủy ban nhân dân huyện Kim Bảng cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số thửa 117, tờ PL2, tên người sử dụng hộ ông Dương Văn D và bà Nguyễn Thị Ph. Năm 2011, cụ Ph chết không để lại di chúc, chi phí mai táng do cụ D chi phí. Sau khi cụ Ph chết, ngày 02/5/2014, cụ D họp gia đình nhưng không có mặt mẹ con bà S, nội dung họp cụ D bán diện tích đất 172m² cho ông với số tiền 430.000.000đồng nhưng vì ông là con trai cả, có công chăm sóc cụ D nên cụ D cho ông 110.000.000đồng và ông trả cụ D 320.000.000đồng có sự chứng kiến của ông Kh, ông H, bà Ch. Việc bán đất chỉ là giấy viết tay, không có biên bản giao nhận tiền. Sau đó, cụ D dùng số tiền này mua vàng và chia cho ông Kh 05 chỉ vàng, bà Ch 07 chỉ vàng, ông H 05 chỉ vàng và 05 chỉ vàng cho bà S nhưng bà S không đến nhận nên cụ D cho con anh Th. Khi cụ D còn sống do ông chăm sóc, các chi phí thuốc thang, ma chay cho cụ là tiền của cụ D giao cho ông chi dùng, đến nay số tiền của cụ còn 100.000.000đồng, ông và ông Kh, ông H cùng quản lý. Tháng 5 năm 2017, cụ D chết không để lại di chúc, bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất không bị cầm cố, thế chấp, hiện tại ông đang giữ. Ngoài ra cụ D, cụ Ph có 2,8 sào đất nông nghiệp ông đang quản lý và khi còn sống cụ D đã cho ông, ông Kh, ông T1, ông H mỗi người 1 diện tích đất ở tại thôn Đ, xã V, huyện Kim Bảng đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên ông Kh, ông H, bà S (vợ ông T). Về nghĩa vụ, thuế nhà đất không có, chi phí mai táng là do tiền của cụ Ph, cụ D để lại. Nay ông khởi kiện yêu cầu Tòa án chia thừa kế diện tích

đất 172m², thửa số 117, tờ bản đồ PL2, trên đất có nhà và công trình phụ. Ông xin nhận bằng hiện vật và thanh toán bằng tiền cho những đồng thừa kế. Ngoài ra ông không yêu cầu giải quyết gì khác.

Đối với việc bán đất giữa cụ D và ông lập ngày 02/5/2014, diện tích đất ở các cụ đã cho ông, ông Kh, ông T1, ông H mỗi người 1 diện tích đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, số vàng cụ D đã chia cho ông Kh 05 chỉ vàng, bà Ch 07 chỉ vàng, ông H 05 chỉ vàng và 05 chỉ vàng bà S không nhận nên cụ D cho con anh Th; số tiền của cụ D còn 100.000.000đồng ông, ông Kh, ông H đang giữ; công sức trông nom di sản của ông và 2,8 sào ruộng đất nông nghiệp của cụ D cụ Ph, ông không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Bị đơn anh Dương Văn D trình bày: Về quan hệ huyết thống và di sản thừa kế cụ D và cụ Ph để lại đúng như ông T là nguyên đơn trình bày. Ngày 01/5/2014 anh có biết cụ D họp gia đình để bán nhà đất anh có mặt nhưng ông Kh, ông H vắng mặt nên không họp gia đình được. Đến khoảng 03 tuần sau thì anh nghe ông T nói đã mua nhà, đất 172m² của cụ D và cụ Ph để lại. Cụ thể về việc mua bán, giá cả, giao nhận tiền, đất như thế nào thì anh không được biết. Khi bố anh còn sống, cụ D và cụ Ph có chia cho ông T, ông T1, ông Kh, ông H mỗi người con một mảnh đất ở đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên bà S, ông Kh, ông H và các cụ có 2,8 sào ruộng là đúng. Việc cụ D chia cho ông Kh 05 chỉ vàng, bà Ch 07 chỉ vàng, ông H 05 chỉ vàng và cho con anh Th 05 chỉ vàng, số tiền 100.000.000đồng các cụ để lại anh không biết. Nay ông T khởi kiện yêu cầu chia diện tích đất 172m², thửa số 117, tờ PL2 đứng tên cụ D và cụ Ph để lại, anh không nhất trí. Anh đề nghị Tòa án chia phần di sản theo pháp luật, phần anh được hưởng anh xin nhận bằng hiện vật cùng với phần thừa kế của các em anh, ông T thanh toán tiền anh không nhận. Về nghĩa vụ các cụ không để lại, thuê nhà đất không có.

Đối với những vấn đề ông T không yêu cầu Tòa án giải quyết việc bán đất lập ngày 02/5/2014, diện tích đất ở các cụ đã cho ông T, ông Kh, ông T1, ông H mỗi người một diện tích đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, số vàng cụ D đã chia cho ông Kh 05 chỉ vàng, bà Ch 07 chỉ vàng, ông H 05 chỉ vàng và 05 chỉ vàng cho con anh Th, số tiền của cụ D còn 100.000.000đồng ông T, ông Kh, ông H đang giữ; công sức trông nom di sản của ông T và 2,8 sào ruộng đất nông nghiệp của cụ D và cụ Ph anh nhất trí và cũng không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Bị đơn anh Dương Văn Đ trình bày: Về quan hệ huyết thống và di sản thừa kế cụ D và cụ Ph để lại và ông T đề nghị chia thừa kế đúng như ông T và anh D trình bày. Nay xảy ra tranh chấp chia thừa kế, anh đề nghị Tòa án giải quyết chia theo pháp luật, anh xin nhận bằng hiện vật cùng với phần thừa kế của các anh em anh, ông T thanh toán bằng tiền anh cũng không nhận. Về nghĩa vụ các cụ không để lại, thuê nhà đất không có. Đối với những vấn đề ông T không yêu cầu Tòa án giải quyết, anh nhất trí và không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Bị đơn chị Dương Thị L1 cũng trình bày: Về quan hệ huyết thống và di sản thừa kế cụ D và cụ Ph để lại đúng như ông T trình bày. Nay xảy ra tranh chấp chia

thừa kế. Chị đề nghị giữ nguyên thửa đất của các cụ để lại làm nơi thờ cúng các cụ. Về nghĩa vụ các cụ không để lại, thuế nhà đất chị không biết. Đối với những vấn đề ông T đã trình bày và không yêu cầu Tòa án giải quyết, chị nhất trí, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Ông Dương Văn Kh trình bày: Về quan hệ huyết thống và di sản thừa kế của cụ D và cụ Ph để lại đúng như là nguyên đơn trình bày. Nay xảy ra tranh chấp thừa kế tài sản, ông đề nghị Tòa án chấp nhận đơn khởi kiện của ông T về chia di sản thừa kế diện tích đất 172 m², thuyết phục hòa giải với cháu D, Đ, L ký xác nhận để anh trai ông là ông T sớm làm thủ tục chuyển nhượng quyền sử dụng đất từ bố mẹ cho ông T. Nếu các cháu không đồng ý thì đề nghị Tòa án giải quyết chia thừa kế theo quy định của pháp luật, phần di sản ông được hưởng, ông xin nhận nhưng tặng cho ông T. Về nghĩa vụ các cụ không để lại, thuế nhà đất không có. Những nội dung ông T không yêu cầu Tòa án giải quyết, ông nhất trí và không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Ông Dương Văn H trình bày: Về quan hệ huyết thống và di sản thừa kế của cụ D và cụ Ph để lại đúng như là nguyên đơn trình bày. Nay xảy ra tranh chấp thừa kế tài sản, ông đề nghị Tòa án chấp nhận đơn khởi kiện của ông T về chia di sản thừa kế diện tích đất 172 m² theo pháp luật, phần di sản ông được hưởng, ông xin nhận nhưng tặng cho anh trai ông là ông Dương Văn T. Các cụ chết không để lại nghĩa vụ, thuế nhà đất không phải nộp. Ông T không yêu cầu Tòa án giải quyết một số nội dung như ông T đã trình bày ở trên, ông nhất trí và không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Bà Dương Thị Ch trình bày: Về quan hệ huyết thống và di sản thừa kế của cụ D và cụ Ph để lại đúng như là nguyên đơn trình bày. Nay xảy ra tranh chấp thừa kế tài sản, bà đề nghị chia di sản thừa kế là diện tích đất 172 m² theo pháp luật, phần di sản bà được hưởng, bà nhận nhưng tặng cho ông Dương Văn T. Về nghĩa vụ các cụ không để lại, thuế nhà đất không có. Ông T không yêu cầu Tòa án giải quyết một số nội dung như ông T đã trình bày ở trên, bà nhất trí và không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Anh Dương Văn V trình bày: Về quan hệ huyết thống và di sản thừa kế của cụ D và cụ Ph để lại đúng như ông Tin trình bày. Nay xảy ra tranh chấp thừa kế tài sản, anh đề nghị Tòa án chia theo pháp luật, anh không nhận tiền, anh xin nhận bằng hiện vật. Về nghĩa vụ các cụ không để lại, thuế nhà đất anh không biết. Những nội dung ông T không yêu cầu Tòa án giải quyết, anh nhất trí và không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Anh Dương Văn Th: Về quan hệ huyết thống và di sản thừa kế của cụ D và cụ Ph để lại đúng như ông T trình bày. Anh đề nghị Tòa án giữ lại đất, nhà cấp 4 để làm nơi thờ cúng cho ông bà, chỉ giao cho ông T được quyền quản lý sử dụng mà không được bán cho ai, trường hợp Tòa án chia di sản theo pháp luật, nếu ông T thanh toán bằng tiền thì anh không nhận. Ông T không yêu cầu Tòa án giải quyết

một số nội dung như ông T đã trình bày ở trên, anh nhất trí và không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Tại phiên tòa, đương sự vẫn giữ nguyên quan điểm như đã trình bày và không sửa đổi, bổ sung gì. Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Kim Bảng phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự của Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án theo đúng quy định của pháp luật. Tuy nhiên việc Tòa án xác định bà Bùi Thị Sơn là người có quyền lợi nghĩa vụ là chưa chính xác do căn cứ điều 652 BLDS thì bà Sơn không phải là người thừa kế thế vị đối với phần di sản của ông Tuấn được hưởng đã vi phạm khoản 4 điều 68 BLTTDS và đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ vào Điều 26, 35, 39, 147, 157 BLTTDS. Điều 100, 169, 203 của Luật đất đai. Điều 213, 219, 611, 612, 613, 614, 623, 649, 650, 651, 652, 660 của Bộ luật Dân sự; Luật phí và lệ phí số 97/2015 của Quốc hội khóa XIII thông qua ngày 25/11/2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Dương Văn T về chia di sản thừa kế. Giao toàn bộ diện tích đất 172m², thửa đất số 117 tờ PL2, tọa lạc tại xóm 8, thôn Đ (nay là thôn Đ xã V, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam, tên người sử dụng đất hộ ông Dương Văn D, bà Nguyễn Thị Ph trên đất có nhà cấp bốn và một số công trình phụ gồm bể nước, cổng, tường bao cho ông Dương Văn T sở hữu, sau khi ông Tin có trách nhiệm thanh toán cho ông Kh, ông H, bà Ch mỗi người 53.976.000đồng và thanh toán cho anh D, anh Th, anh V, anh Đ, chị L mỗi người 10.798.000đồng. Ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận của các đương sự: Ông Dương Văn Kh, Dương Văn H, bà Dương Thị Ch phần thừa kế được hưởng nhưng tặng cho ông T. Án phí: Đương sự phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa; ý kiến của Kiểm sát viên về việc tuân theo pháp luật trong tố tụng dân sự và ý kiến về việc giải quyết vụ án. Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về tố tụng: Theo đơn khởi kiện của ông Dương Văn T yêu cầu Tòa án giải quyết chia di sản thừa kế là bất động sản tọa lạc tại xóm 8, thôn Đ, (nay là thôn Đ), xã V, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam cùng tài sản trên đất là nhà cấp bốn và công trình phụ. Căn cứ vào khoản 5 Điều 26; khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án lấy lời khai của bà Bùi Thị S (vợ ông T1) với tư cách là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan. Nay tại phiên tòa, xét thấy bà S không liên quan đến vụ án nên không đưa bà Bùi Thị S tham gia

với tư cách là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án. Viện kiểm sát cho rằng Tòa án đã vi phạm khoản 4 điều 68 BLTTDS là chưa phù hợp.

[2]. Về thời hiệu khởi kiện: Cụ Nguyễn Thị Ph chết ngày 05 tháng 10 năm 2011, cụ Dương Văn D chết ngày 09 tháng 5 năm 2017. Ngày 06/9/2019, ông Dương Văn T khởi kiện tại Tòa án nhân dân huyện Kim Bảng về tranh chấp thừa kế tài sản. Căn cứ Điều 623 của Bộ luật Dân sự thì thời hiệu khởi kiện chia di sản thừa kế vẫn còn.

[3]. Về di sản thừa kế: Các đương sự khai thông nhất và cùng xác định di sản của cụ Dương Văn D và cụ Nguyễn Thị Ph sau khi chết để lại là quyền sử dụng đất 172m², thửa số 117, tờ bản đồ PL2, tọa lạc tại xóm 8, thôn Đ (nay là thôn Đ), xã V, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam đã được UBND huyện Kim Bảng cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng năm 2006 đứng tên hộ ông Dương Văn D và bà Nguyễn Thị Ph. Trên đất có 01 nhà cấp 4, công trình phụ vẫn còn nguyên trạng không ai tu sửa, tôn tạo gì là tài sản chung của cụ D, cụ Ph chưa chia. Do đó di sản của cụ D và cụ Ph để lại được xác định là quyền sử dụng đất đã được hội đồng định giá giá trị: Đất ở 172m² x 1.400.000đồng/m² = 240.800.000đồng; nhà và công trình phụ trị giá 29.156.000đồng. Tổng cộng: 269.956.000đồng.

[4]. Về hàng thừa kế, kỷ phần: Cụ Dương Văn D và cụ Nguyễn Thị Ph sinh ra được 5 người con là ông Dương Văn T, ông Dương Văn T1, ông Dương Văn Kh, bà Dương Thị Ch, ông Dương Văn H. Ông T1 chết năm 1988, có 05 người con là anh Dương Văn D, anh Dương Văn Th, anh Dương Văn V, anh Dương Văn Đ, chị Dương Thị L, không có con nuôi, con riêng. Cụ D, cụ Ph không có con riêng, con nuôi, cha mẹ nuôi, cha mẹ đẻ đã chết. Do vậy, diện thừa kế thuộc hàng thứ nhất của cụ D, cụ Ph gồm có ông T, ông Kh, ông H và bà Ch và những người thừa kế thế vị là anh D, anh Th, anh V, anh Đ, chị L. Do cụ Ph, cụ D chết không để lại di chúc nên di sản thừa kế được chia theo pháp luật. Cụ thể: Di sản trị giá 269.956.000đồng chia cho 5 người con của các cụ gồm ông T, ông T1, ông Kh, bà Ch, ông H mỗi người được hưởng 53.991.000đồng (269.956.000đồng : 5 người = 53.991.000đồng). Do ông T1 chết nên anh D, anh Th, anh V, anh Đ, chị L là người thừa kế thế vị được hưởng mỗi người là 10.798.000đồng (53.991.000đồng : 5 người = 10.798.200đồng) là phù hợp quy định tại Điều 649; Điều 650; Điều 651; Điều 652; Điều 660 của Bộ luật Dân sự.

[5]. Đối với yêu cầu của anh D, anh Th, anh V, anh Đ, chị L xin được nhận phần thừa kế được hưởng bằng hiện vật. Căn cứ các quy định của pháp luật về hạn mức giao đất, công nhận quyền sử dụng đất; chia tách, hợp nhất thửa đất thì việc chia tách thửa đối với thửa đất do cụ D, cụ Ph để lại sau khi chia cho các đồng thừa kế là không đảm bảo về diện tích tối thiểu được tách thửa. Mặt khác ông T là người có công trông nom, bảo quản di sản sau khi các cụ chết, ông Kh, bà Ch, ông H đều có nguyện vọng khi chia thừa kế xin nhận phần được hưởng rồi tặng cho cho ông T, ông T nhất trí. Do đó giao toàn bộ nhà, đất cho ông T và ông T phải thanh toán tiền cho các đồng thừa kế như đã nhận định ở trên và ghi nhận sự tự nguyện của các đương sự: Ông Dương Văn Kh, ông Dương Văn H và bà Dương Thị Ch về việc

nhận kỷ phần thừa kế nhưng tặng cho lại ông Dương Văn T là phù hợp với thực tế và pháp luật.

[6]. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa các đương đều thống nhất không yêu cầu Tòa án xem giải quyết về 2,8 sào ruộng đất nông nghiệp, diện tích đất ở cụ D, cụ Ph đã chia cho ông Kh, ông H, ông T1, ông T đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho từng người, sổ vàng cụ D đã chia cho ông Kh 05 chỉ vàng, bà Ch 07 chỉ vàng, ông H 05 chỉ vàng và 05 chỉ vàng cho con anh Th, số tiền còn 100.000.000đồng ông T, ông Kh, ông H đang giữ, công sức của ông T duy trì bảo quản di sản, mai táng phí cho cụ D, việc mua bán đất giữa cụ D và ông T nên Tòa án không đặt ra xem xét giải quyết.

[7]. Về chi phí tố tụng: Ông Dương Văn T đã nộp tạm ứng chi phí tố tụng và đã chi đủ 3.000.000đồng. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, ông Tin xin chịu toàn bộ chi phí tố tụng và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

[8]. Về án phí: Ông Dương Văn T, ông Dương Văn Kh là người cao tuổi, có đơn đề nghị miễn tạm ứng án phí, án phí được tòa án chấp nhận theo quy định điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Các đương sự khác phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[9]. Quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271; Điều 272 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 5 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 157; Điều 271; Điều 272; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự. Điều 609; Điều 611; Điều 612; Điều 613; Điều 616; Điều 623; Điều 649; Điều 650; Điều 651; Điều 652; Điều 660 của Bộ luật Dân sự; Điều 100; điểm d khoản 1 Điều 169; Điều 203 của Luật Đất đai năm 2013; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Dương Văn T về chia di sản thừa kế.
2. Giao toàn bộ quyền sử dụng diện tích đất 172m², thửa đất số 117, tờ PL2, tọa lạc tại xóm 8, thôn Đ, (nay là thôn Đ) xã V, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam, tên người sử dụng đất hộ ông Dương Văn D và bà Nguyễn Thị Ph, trên đất có nhà cấp bốn, công trình phụ gồm bể nước, cổng, tường bao cho ông Dương Văn T. Tổng trị giá 269.956.000đồng.

Ông Dương Văn T phải thanh toán cho ông Dương Văn Kh, ông Dương Văn H và bà Dương Thị Ch mỗi người là 53.991.000đồng và thanh toán cho anh

Dương Văn D, anh Dương Văn Th, anh Dương Văn V, anh Dương Văn Đ, chị Dương Thị L mỗi người 10.798.000đồng.

Ghi nhận sự tự nguyện của các đương sự: Ông Dương Văn Kh, ông Dương Văn H và bà Dương Thị Ch về việc nhận kỷ phần thừa kế nhưng tặng cho lại ông Dương Văn T.

3. Về án phí: Căn cứ Điều 147; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án miễn án phí dân sự sơ thẩm cho ông Dương Văn T và ông Dương Văn Kh. Ông Dương Văn H và bà Dương Thị Ch mỗi người phải chịu 2.700.000đồng án phí dân sự sơ thẩm. Anh Dương Văn D, anh Dương Văn Th, anh Dương Văn V, anh Dương Văn Đ, chị Dương Thị L mỗi người phải chịu 540.000đồng án phí dân sự sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án. Nếu bên phải thi hành án không tự nguyện thi hành xong các khoản tiền thì hàng tháng còn phải chịu lãi suất của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hà Nam (để b/c);
- VKSND huyện Kim Bảng;
- Chi cục THADS huyện Kim Bảng;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Thị Nguyệt

I. VIỆC TUÂN THEO PHÁP LUẬT TỔ TỤNG

1. Việc tuân theo pháp luật tổ tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: * Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử: + TAND huyện Kim Bảng thụ lý đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 5 điều 26; điểm a khoản 1 điều 35, điểm c khoản 1 Điều 39 BLTTDS 2015, Điều 203 Luật đất đai năm 2013. + Xác định tư cách nguyên đơn, bị đơn đúng quy định tại điều 68 BLTTDS. Tuy nhiên, việc Tòa án xác định bà Bùi Thị Sơn là người có quyền lợi nghĩa vụ là chưa chính xác do căn cứ điều 652 BLDS thì bà Sơn không phải là người thừa kế thế vị đối với phần di sản của ông Tuấn được hưởng. Do đó, việc Tòa án xác định bà Sơn là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã vi phạm khoản 4 điều 68 BLTTDS. Đối với các tư cách tổ tụng khác, Tòa án đã xác định đúng quy định tại điều 68 BLTTDS. + Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng quy định tại Điều 203 BLTTDS năm 2015 về thời hạn chuẩn bị xét xử; xác minh thu thập chứng cứ theo quy định tại

điều 97 BLTTDS; tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải theo quy định của điều 209, 210, 211; trong thời hạn chuẩn bị xét xử, Thẩm phán TAND huyện Kim Bảng ra quyết định đưa vụ án ra xét xử đúng quy định BLTTDS 2015. + Trình tự thụ lý, việc giao nhận thông báo thụ lý cho VKS và các đương sự đảm bảo đúng theo quy định tại Điều 195, 196 BLTTDS 2015. * Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa: Tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử và Thư ký đã tuân theo đúng các quy định của BLTTDS về việc xét xử sơ thẩm vụ án 2. Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của họ theo quy định pháp luật. Chị Dương Thị Luân có đơn xin xét xử vắng mặt.

II. Ý KIẾN VỀ VIỆC GIẢI QUYẾT VỤ ÁN

* Về nội dung vụ án: Cụ Dương Văn Dân sinh năm 1919 kết hôn cùng cụ Nguyễn Thị Phúc sinh năm 1920 và sinh được 5 người con gồm: Ông Dương Văn T sinh năm 1950, ông Dương Văn Tuấn sinh năm 1951, ông Dương Văn Khoa sinh năm 1956, bà Dương Thị Chuân sinh năm 1960, ông Dương Văn Hòa sinh năm 1962. Ngoài ra, các cụ không có cha mẹ nuôi, con nuôi, con đẻ nào khác. Năm 1988, ông Dương Văn Tuấn mất, gia đình ông Tuấn gồm vợ là bà Bùi Thị Sơn sinh năm 1950 và 05 người con gồm: anh Dương Văn D sinh năm 1975, 3 anh Dương Văn Thư sinh năm 1980, anh Dương Văn Viện sinh năm 1982, anh Dương Văn Điền sinh năm 1985, chị Dương Thị Luân sinh năm 1986. Quá trình chung sống, cụ Dương Văn Dân và cụ Nguyễn Thị Phúc sinh sống trên thửa đất có diện tích 172m² tại thửa đất số 117, tờ bản đồ PL2 ở xóm 8, Điền Xá, Văn Xá, Kim Bảng, Hà Nam được UBND huyện cấp giấy CNQSDĐ số AE 659039 cấp năm 2006 mang tên người sử dụng đất hộ ông Dương Văn Dân, bà Nguyễn Thị Phúc, trên đất có 01 nhà cấp 4 và một số công trình gồm bể nước, cổng, tường bao được xây dựng từ năm 1974. Ngoài ra, từ những năm 1990 cụ D và cụ Ph đã cho ông Tin, ông Kh, ông H, ông Tuấn mỗi người một thửa đất nằm giáp với diện tích đất các cụ sinh sống, đến năm 2006 các thửa đất trên đã được cấp GCNQSDĐ cho mỗi người. Năm 2011 cụ Ph chết không để lại di chúc. Ngày 02/5/2014 cụ D thỏa thuận bán diện tích đất trên cho ông Dương Văn T với giá 430 triệu. Việc mua bán có giấy tờ do bà Ch viết tay có chữ ký của hai bên và các chữ ký của ông Kh, ông H, bà Ch, chữ ký của trưởng thôn 8 là ông Quản Văn Tuấn, cụ Dương Văn Ty (em trai cụ D), anh Dương Văn San (cháu của cụ D) là người chứng kiến. Tại cuộc họp mua bán đất không có mặt bà Sơn và các con của ông Tuấn. Sau đó cụ D cho bà Ch 7 chỉ vàng, ông H 5 chỉ vàng, ông Kh 5 chỉ vàng còn 5 chỉ vàng, cho chắt nội là con anh Thư 5 chỉ vàng. Năm 2017, cụ D chết không để lại di chúc. Ngày 23/8/2019, ông Dương Văn T có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án chia di sản thừa kế đối với thửa đất số 117, tờ bản đồ PL2, diện tích 172m² cùng các tài sản trên đất tại thôn Đ, xã V, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam. Theo đơn yêu cầu ngày

01/11/2019 của ông Dương Văn T, TAND huyện Kim Bảng đã ra quyết định thẩm định tại chỗ và định giá tài sản đối với diện tích đất 172m² và các tài sản trên đất do các cụ để lại, kết quả như sau: - Về đất: Giá trị của thửa đất số 117, tờ bản đồ PL2, diện tích 172m² là 240.800.000 đồng. - Về nhà cấp bốn cùng các công trình, kiến trúc trên đất có tổng giá trị là 29.156.000 đồng gồm: + Giá trị nhà cấp bốn 3 gian là 27.306.720 đồng. + 01 bể xây bằng gạch đỏ có giá trị là 1.015.000 đồng. + Công trình phụ xây bằng gạch đỏ, lớp proximăng có giá trị là 500.000 đồng. + Tường bao xây bằng gạch đỏ và 01 trụ cổng có giá trị là 341.000 đồng. Ngoài ra trên diện tích đất trên còn có một vườn phía trước giáp cổng và tường bao trồng rau muống có 03 bụi chuối do ông Tin trồng, các đương sự đều thống nhất không yêu cầu Hội đồng định giá định giá. Quá trình giải quyết, các đồng thừa kế đều xác nhận ngoài tài sản là diện tích đất 172m² và tài sản trên đất thì các cụ có để lại 100 triệu đồng, 2,8 sào ruộng đất nông nghiệp được nhà nước giao. Hiện nay, diện tích đất, tài sản trên đất và 2,8 sào ruộng đất Nông nghiệp đều do ông Tin quản lý, số tiền 100 triệu đồng do ông Tin, ông Kh, ông H quản lý. - Ngày 02/12/2019, ông Dương Văn T và các đồng thừa kế (gồm bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan) còn lại có đơn đề nghị Tòa án trong đó đề nghị Tòa án chia di sản thừa kế đối với diện tích đất 172m² cùng các tài sản trên đất và không đề nghị Tòa án chia thừa kế đối với các tài sản gồm: các thửa đất giáp với 4 thửa đất số 117 do cụ D, cụ Ph đã chia cho các ông, gồm ông Tin, ông Kh, ông H, ông Tuấn mỗi người một diện tích đất liền kề với thửa đất số 117 (năm 2006 các diện tích đất đó đã được cấp giấy CNQSDĐ), số tiền 100 triệu đồng, số vàng cụ D đã chia cho các con, diện tích đất 2,8 sào đất nông nghiệp. Ngoài ra tại đơn đề nghị các đồng thừa kế đều đề nghị không giải quyết, xem xét việc giấy bán đất giữa cụ D và ông Tin, công sức đóng góp, chăm sóc, trông nom các cụ. (Bút lục 161) - Về công sức tôn tạo, đóng góp: Các đồng thừa kế đều trình bày thống nhất không ai có công sức tôn tạo, đóng góp vào khối tài sản của hai cụ để lại.

- Về quá trình quản lý, sử dụng di sản: Sau khi cụ Ph mất, cụ D quản lý và sử dụng diện tích đất cùng các tài sản trên đất. Sau khi cụ D mất ông Tin là người quản lý diện tích đất cùng tài sản trên đất. Ông Tin không đề nghị giải quyết về công sức quản lý, sử dụng di sản. (BL 203)

- Về công sức chăm sóc, chi phí mai táng, ma chay cho các cụ: Khi cụ Ph ốm và mất, cụ D là người chăm sóc và lo chi phí mai táng, ma chay. Khi cụ D ốm, cụ D về ở cùng ông Tin được ông Tin cùng các con cụ D chăm sóc, khi cụ D mất chi phí mai táng, ma chay cho cụ là tiền của cụ D để lại, các con không đóng góp. Các đồng thừa kế đều trình bày không đề nghị giải quyết về công sức chăm sóc, chi phí mai táng, ma chay cho các cụ. - Quan điểm của nguyên đơn ông Dương Văn T: Ông đề nghị Tòa án chia di sản thừa kế theo pháp luật đối với diện tích đất 172m² cùng tài sản trên đất. Ông đề nghị xin nhận bằng hiện vật và thanh toán bằng tiền cho các đồng thừa kế. Việc mua bán đất ông không đề nghị giải quyết.

- Quan điểm của bị đơn + Anh Dương Văn D: Đề nghị Tòa án giải quyết theo pháp luật đối với thửa đất 172m² cùng nhà cấp 4, công trình phụ trên đất, anh xin nhận bằng hiện vật cùng với phần thừa kế được hưởng của bố mẹ anh và các em anh, ông Tin thanh toán bằng tiền anh cũng không nhận + Anh Dương Văn Điền: Đề nghị Tòa án giải quyết chia theo pháp luật, anh xin nhận bằng hiện vật cùng với phần thừa kế của mẹ anh, các anh em anh, ông Tin thanh toán bằng tiền anh cũng không nhận. (Bút lục 58)

+ Chị Dương Thị Luân: Chị đề nghị giữ nguyên thửa đất các cụ để lại làm nơi thờ cúng cụ, ông bà, phần đất nông nghiệp được các cụ được giao thì giao cho ông Tin sử dụng. (Bút lục 135) - Quan điểm của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan

+ Ông Dương Văn Họa: Đề nghị Tòa án chia theo pháp luật và giao cho ông Tin quản lý, ông xin nhận bằng tiền do ông Tin thanh toán. + Ông Dương Văn Khoa: Đề nghị Tòa án chấp nhận đơn khởi kiện của ông Dương Văn T, thuyết phục hòa giải với cháu Doanh, Điền, Luân về việc ký xác nhận để anh trai ông làm thủ tục chuyển nhượng quyền sử dụng đất từ bố mẹ cho anh trai. Nếu các cháu không đồng ý thì đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật, phần di sản ông xin nhận bằng tiền do ông Tin thanh toán.

+ Bà Dương Thị Chuẩn: Đề nghị Tòa án giải quyết chia thừa kế theo pháp luật.

+ Bà Bùi Thị Sơn: Đề nghị Tòa án giữ nguyên nhà đất các cụ để lại để làm nơi thờ cúng các cụ. + Anh Dương Văn Viện: Đề nghị Tòa án xem xét chia theo pháp luật, anh không đồng ý cho ai bán tài sản của ông anh, anh đề nghị để lại làm nhà thờ cho ông 5 và giao cho ông Dương Văn T được quyền quản lý, sử dụng, anh cũng không nhận tiền, xin nhận bằng hiện vật. (Bút lục 79) + Anh Dương Văn Thư: Đề nghị Tòa án chia thừa kế theo pháp luật, giữ lại nhà cấp 4 để làm nhà thờ cho ông bà, giao cho ông Tin chỉ được quyền quản lý sử dụng mà không được bán cho ai, nếu ông Tin thanh toán bằng tiền thì anh cũng không nhận. (bút lục 74) Tại các văn bản ủy quyền ngày 16/10/2019; 19/10/2019; 22/10/2019 và 29/10/2019 anh Điền, bà Sơn, anh Viện, anh Thư và chị Luân đã ủy quyền cho anh Doanh tham gia tố tụng. Ngày 28/9/2019, ông Kh có văn bản ủy quyền cho ông Tin tham gia tố tụng.

* Căn cứ hồ sơ vụ án, các tài liệu, chứng cứ đã được Hội đồng xét xử xem xét và kết quả tranh tụng của những người tham gia tố tụng tại phiên tòa, nhận thấy:

- Về thời hiệu khởi kiện chia thừa kế: Cụ Ph mất năm 2011, cụ D mất năm 2017 đến ngày 06/9/2019 ông Tin nộp đơn yêu cầu khởi kiện, chia di sản thừa kế tại Tòa án. Do vậy căn cứ điều 623 BLDS thì thời hiệu chia di sản thừa kế của cụ Ph, cụ D đều còn.

- Về nguồn gốc thửa đất và các tài sản trên đất: Căn cứ vào tài liệu trong hồ sơ và lời trình bày của các đương sự thì diện tích đất 172m² có nguồn gốc là do

cha ông để lại cho các cụ D, cụ Ph. Đối với các tài sản trên đất là do cụ D, cụ Ph xây dựng từ năm 1974 không ai có công sức đóng góp, tôn tạo và sửa chữa gì do vậy căn cứ điều 213 BLDS thì toàn bộ thửa đất số 117, tờ bản đồ PL2 ở xóm 8, Điền Xá, Văn Xá, Kim Bảng, Hà Nam cùng tài sản trên đất thuộc quyền sở hữu chung của cụ D, cụ Ph

.- Về hàng thừa kế: Theo quy định tại Điều 651 BLDS 2015, hàng thừa kế thứ nhất gồm: ông Kh, ông H, bà Ch, ông Tuấn. Do ông Tuấn mất trước thời điểm cụ Ph và cụ D mất do vậy căn cứ điều 652 BLDS các con ông Tuấn gồm anh Doanh, anh Điền, anh Viện, anh Thư, chị Luân là thừa kế thế vị.

* Di sản thừa kế cụ D, cụ Ph để lại gồm: - Về đất: Thửa đất số 117, tờ bản đồ PL2 ở xóm 8, Điền Xá, Văn Xá, Kim Bảng, Hà Nam do ông Tin đang quản lý có diện tích các cụ để lại là $172\text{m}^2 \times 1.400.000 \text{ đ} = 240.800.000 \text{ đồng}$. - Về tài sản trên đất: căn nhà cấp 4 ba gian cùng tài sản trên đất gồm 01 bể nước, công trình phụ và tường bao có tổng giá trị tài sản là 29.156.000 đồng.

-Về các tài sản khác gồm: 100 triệu đồng và 2,8 sào ruộng đất nông nghiệp. Nguyên đơn và các đồng thừa kế đều không yêu cầu chia do vậy không đặt ra để xem xét. Đối với diện tích đất và số vàng các cụ chia cho các con khi các cụ còn sống nguyên đơn và các đồng thừa kế cũng thống nhất không yêu cầu vì vậy không đặt ra xem xét. Đối với việc chuyển nhượng mua bán đất giữa cụ D và ông Tin do nguyên đơn và các đồng thừa kế đều không đề nghị vì vậy không đặt ra xem xét.

- Về công sức tôn tạo, đóng góp, công sức quản lý, duy trì di sản, chăm sóc, chi phí mai táng, ma chay cho các cụ và các vấn đề khác có liên quan: Các đồng thừa kế thống nhất không đề nghị do vậy không đặt ra xem xét. Do vậy di sản của cụ D và cụ Ph để lại có tổng trị giá là: $240.800.000 + 29.156.000 = 269.956.000 \text{ đ}$

* Về phân chia di sản thừa kế theo quy định tại điều 660, 652 BLDS 2015: 6 Xét thực tế đo đạc và hiện trạng sử dụng thửa đất và tài sản trên đất đã được định giá, căn cứ vào Điều 660, điều 652 BLDS 2015, cụ thể đề nghị phân chia như sau: - Chia theo thời điểm mở thừa kế: + Khi cụ Ph mất, di sản do cụ Ph để lại gồm: $1/2$ mảnh đất có diện tích 172m^2 và $1/2$ giá trị tài sản trên đất (cụ thể $172\text{m}^2 : 2 = 86\text{m}^2$ và $29.156.000 \text{ đồng} : 2 = 14.578.000 \text{ đồng}$) được chia đều cho cụ D, ông Tin, ông H, ông Kh, bà Ch và ông Tuấn, như vậy mỗi người được hưởng diện tích đất là $86\text{m}^2 : 6 = 14,33\text{m}^2$ và giá trị tài sản trên đất là $14.578.000 \text{ đồng} : 6 = 2.429.000 \text{ đồng}$. Do ông Tuấn mất trước thời điểm cụ Ph mất vì vậy các con ông Tuấn gồm anh Doanh, anh Thư, anh Viện, anh Điền, chị Luân được hưởng thừa kế thế vị đối với phần di sản ông Tuấn được hưởng theo đó mỗi người được hưởng diện tích đất là $14,33\text{m}^2 : 5 = 2,87\text{m}^2$ và giá trị tài sản trên đất là $2.429.000 \text{ đồng} : 5 = 485.800 \text{ đồng}$. + Khi cụ D mất, di sản do cụ D để lại gồm $1/2$ mảnh đất có diện tích 172m^2 , $1/2$ giá trị tài sản trên đất và phần di sản được hưởng khi cụ Ph (cụ thể di sản về đất do cụ D để lại là $86\text{m}^2 + 14,33\text{m}^2 = 100,33\text{m}^2$ và giá trị tài sản trên đất là di sản do cụ D để lại là $14.578.000 \text{ đồng} + 2.429.000 \text{ đồng} = 17.007.000 \text{ đồng}$) được chia đều cho ông Tin, ông H, ông Kh, bà Ch và ông Tuấn, mỗi người được hưởng diện

tích đất là $100,33 : 5 = 20,06\text{m}^2$ và giá trị tài sản trên đất mỗi người được hưởng là $17.007.000 \text{ đồng} : 5 = 3.401.000 \text{ đồng}$. Đối với phần di sản ông Tuấn được hưởng, do ông Tuấn mất trước thời điểm cụ Ph mất vì vậy các con ông Tuấn gồm anh Doanh, anh Thư, anh Viện, anh Điền, chị Luân được hưởng thừa kế thế vị theo đó mỗi người được hưởng diện tích đất là $20,06 \text{ m}^2 : 5 = 4,01\text{m}^2$ và giá trị tài sản trên đất là $3.401.000 \text{ đồng} : 5 = 680.000 \text{ đồng}$. Như vậy, sau khi cụ D, cụ Ph mất, ông Tin, ông H, ông Kh, bà Ch mỗi người được hưởng tổng diện tích đất là $14,33\text{m}^2 + 20,06\text{m}^2 = 34,39\text{m}^2$ (Trị giá thành tiền là $34,39\text{m}^2 \times 1.400.000 \text{ đồng} = 48.146.000 \text{ đồng}$) và giá trị tài sản trên đất là $5.830.000 \text{ đồng}$, tổng giá trị là: $48.146.000 \text{ đồng} + 5.830.000 \text{ đồng} = 53.976.000 \text{ đồng}$. Anh Doanh, anh Thư, anh Viện, anh Điền, chị Luân là các thừa kế thế vị theo đó mỗi người được hưởng được hưởng tổng diện tích đất là $2,87\text{m}^2 + 4,01\text{m}^2 = 6,88\text{m}^2$ (Trị giá thành tiền là $6,88\text{m}^2 \times 1.400.000 \text{ đồng} = 9.632.000 \text{ đồng}$) và giá trị tài sản trên đất là $1.165.800 \text{ đồng}$, tổng giá trị được hưởng là: $9.632.000 \text{ đồng} + 1.165.800 \text{ đồng} = 10.797.800 \text{ đồng}$ (Làm tròn: $10.798.000 \text{ đồng}$). Xét thấy căn cứ quyết định 36/2017/QĐ-UBND ngày 31/8/2017 của UBND tỉnh Hà Nam quy định về hạn mức giao đất, công nhận quyền sử dụng đất; chia tách, hợp nhất thửa đất trên địa bàn tỉnh Hà Nam thì việc chia tách thửa đối với thửa đất do cụ D, cụ Ph để lại sau khi chia cho các đồng thừa kế là không đảm bảo quy định về diện tích tối thiểu được tách thửa tại khu vực xã trên địa bàn Hà Nam. Do vậy không thể phân chia di sản thừa kế bằng hiện vật được mà cần phân chia di sản thừa kế cho các đồng thừa kế bằng tiền là phù hợp. Xét thấy, ông Tin là người quản lý di sản từ khi các cụ mất đi, được ông Tin đã bảo quản, duy trì tốt di sản thừa kế đồng thời ông H, ông Kh (hàng thừa kế thứ nhất của cụ Ph và cụ D) đều có quan điểm đề nghị giao lại nhà và đất trên cho ông Tin, ông Tin có trách nhiệm thanh toán tiền chênh lệch vì vậy đề nghị của ông Tin là có cơ sở để chấp nhận. Do đó đề nghị HĐXX giao toàn bộ thửa đất diện tích 172m^2 tờ bản đồ PL2 ở xóm 8, Điền Xá, Văn Xá, Kim Bảng, Hà Nam được UBND huyện cấp GCNQSDĐ số AE 659039 năm 2006 mang tên người sử dụng đất hộ ông Dương Văn Dân, bà Nguyễn Thị Phúc, trên đất có 01 nhà cấp 4 và một số công trình gồm bể nước, cổng, tường bao cho ông Dương Văn T sở hữu sau khi ông Tin có trách nhiệm thanh toán cho ông H, ông Kh, bà Ch, anh Điền, anh Viện, anh Thư, chị Luân số tiền chênh lệch, cụ thể: Thanh toán cho ông H, ông Kh, bà Ch mỗi người tổng số tiền là $53.976.000 \text{ đồng}$; thanh toán cho anh Doanh, anh Điền, anh Viện, anh Thư, chị Luân mỗi người tổng số tiền là $10.798.000 \text{ đồng}$.

Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, định giá và án phí: Đương sự chịu theo quy định của pháp luật.

Từ những phân tích trên, đề nghị HĐXX xem xét, quyết định: Áp dụng Điều 26, 35, 39, 147, 157 BLTTDS 2015, Điều 100, 203 Luật đất đai năm 2013; Điều 213, 219, 611, 612, 613, 614, 623, 649, 650, 651, 652, 660 BLDS 2015; Áp dụng Luật phí và lệ phí số 97/2015 của Quốc hội khóa XIII thông qua ngày 25/11/2015, Nghị quyết 326/NQ-QH ngày 30/12/2016 Quy định về mức thu, miễn giảm thu

nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án. Chấp nhận yêu cầu Chia di sản thừa kế của ông Dương Văn T. Giao toàn bộ thửa đất diện tích 172m² tờ bản đồ PL2 ở xóm 8, Điền Xá, Văn Xá, Kim Bảng, Hà Nam được UBND huyện cấp GCNQSDĐ số AE 659039 năm 2006 mang tên người sử dụng đất hộ ông Dương Văn Dân, bà Nguyễn Thị Phúc, trên đất có 01 nhà cấp 4 và một số công trình gồm bể nước, cổng, tường bao cho ông Dương Văn T sở hữu sau khi ông Tin có trách nhiệm thanh toán cho ông H, ông Kh, bà Ch mỗi người tổng số tiền là 53.976.000 đồng; thanh toán cho anh Doanh, anh Điền, anh Viện, anh Thư, chị Luân mỗi người tổng số tiền là 10.798.000 đồng.

Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, định giá và án phí: Đương sự phải chịu theo quy định của pháp luật. Bác các yêu cầu khác của các đương sự.

Trên đây là nội dung báo cáo đề xuất của Kiểm sát viên về việc giải quyết vụ án. Đề nghị lãnh đạo đơn vị xem xét, chỉ đạo./.

Trên đây là ý kiến của Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thẩm tra viên, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, người tham gia tố tụng và quan điểm giải quyết vụ án của Viện kiểm sát.

Nơi nhận: - Tòa án cùng cấp; - Lưu: VT, HSKS. **KIỂM SÁNHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

